

Số: 1617/TB-UBND

Văn Lãng, ngày 15 tháng 7 năm 2019

THÔNG BÁO

V/v tổ chức làm việc vào buổi sáng thứ Bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng

Thực hiện Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh về việc Về việc tổ chức làm việc vào buổi sáng thứ Bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng thông báo:

1. Công khai Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, được thực hiện vào buổi sáng thứ Bảy hàng tuần (trừ ngày lễ, tết) tại Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng (*chi tiết theo Danh mục kèm theo*).

2. Mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện Văn Lãng theo danh mục trên sẽ thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả tại Bộ phận Một cửa trực thuộc Văn phòng HĐND và UBND huyện.

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn Na Sầm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; số điện thoại liên hệ: 02053.881.569.

Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng xin trân trọng thông báo đến các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân biết, để liên hệ giải quyết công việc./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh (B/c);
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- Trang thông tin điện tử của huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- CPVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Trường

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀO SÁNG THỨ BẢY HÀNG TUẦN
TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG
(Kèm theo Thông báo số: 1617/TB- UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019
của Ủy ban nhân dân huyện Văn Lãng)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện	Quyết định công bố của UBND tỉnh
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Phòng Tài chính – Kế hoạch	Quyết định số 758/QĐ-UBND Ngày 23/4/2019
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh		
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh		
4	Chấm dứt hoạt động kinh doanh		
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh		
6	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 04/11/2018
7	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã		
8	Đăng ký khi hợp tác xã chia		
9	Đăng ký khi hợp tác xã tách		
10	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất		
11	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập		
12	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)		
13	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)		
14	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)		
15	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)		
16	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)		
17	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
18	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã		
19	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã		
20	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
21	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
22	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)		
23	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã		
24	Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công/thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)		
25	Cấp Giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn,		

	khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Quyết định số 305/QĐ-UBND ngày 25/2/2017
26	Điều chỉnh, gia hạn cấp lại Giấy phép xây dựng đối với công trình nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của cấp trung ương, cấp tỉnh.		
27	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài		
28	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài		
29	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài		
30	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		
31	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài		
32	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài		
33	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài		
34	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc		
35	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		
36	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		
37	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)		
38	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài		
39	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Phòng Tư Pháp	Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 30/5/2016
40	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài		
41	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài		
42	Cấp bản sao trích lục hộ tịch		
43	Chứng thực hợp đồng quản lý nhà ở tại đô thị		
44	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch		
45	Chứng thực việc hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
46	Chứng thực giấy ủy quyền		
47	Chứng thực hợp đồng thuê, mượn tài sản là bất động sản dưới 50 triệu đồng (thay thế cho 02 thủ tục: Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng; chứng thực hợp đồng thuê, mượn tài sản)		Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 25/3/2014
48	Chứng thực hợp đồng vay tiền có hoặc không có cầm cố tài sản, thế chấp tài sản là động sản có giá trị dưới 50 triệu đồng và nhà ở tại đô thị (thay thế cho 02 thủ tục: Chứng thực hợp đồng vay tiền có hoặc không có cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh; Chứng thực hợp đồng cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, bảo lãnh)		
48	Cấp bản sao từ sổ gốc		
50	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		
51	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên		

	kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận		
52	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Phòng Tur Pháp	Quyết định số 1190/QĐ- UBND ngày 25/6/2018
53	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
54	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		
55	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
56	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tur pháp		
57	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tur pháp		
58	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản		
59	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản		
60	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản		
61	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện		
62	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư		
63	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất		
64	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân		